

Số: 240 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

Sau khi xem xét nội dung đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 4213/SNN-KHTC ngày 11 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thực hiện chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai; tạo sự thay đổi từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị thuộc ngành và tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp.

b) Đề ra định hướng, phương án, lộ trình triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số thống nhất, hiệu quả.

c) Xây dựng mô hình chuyển đổi số nhằm phát triển nông nghiệp công nghệ cao hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

d) Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

đ) Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu của ngành để kịp thời cung cấp thông tin ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

e) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp trong thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản. Trên cơ sở các dữ liệu tổng hợp, trung tâm điều hành sẽ giúp lãnh đạo giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy và quản lý chất lượng dịch vụ một cách tổng thể; cho phép phân tích dữ liệu lớn, hỗ trợ ra quyết định; mang lại hiệu quả, cơ hội phát triển của ngành.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phải bám sát Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực hiện và đôn đốc, giám sát đối với các cơ quan, đơn vị đảm bảo hoàn thành Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển chính chuyển số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Thực hiện cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp trên nhiều phương tiện khác nhau; 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa của tỉnh được xác thực điện tử; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng hồ sơ đạt trên 90%; trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính (TTHC).

- 100% các văn bản, tài liệu (trừ văn bản mật) được ký số và trao đổi giữa các cơ quan nhà nước hoàn toàn trên môi trường điện tử, kết nối hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử của người dân và doanh nghiệp.

- 100% hệ thống thông tin của các đơn vị thuộc ngành có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê các chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu trên hệ thống.

- Có hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành của các đơn vị chuyên môn thuộc ngành và cơ sở dữ liệu báo cáo tổng hợp dùng chung toàn ngành, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung; 60% người dân, người sản xuất tham gia khai báo thông tin về sản xuất nông nghiệp trên nền tảng dữ liệu.

- 50% hoạt động kiểm tra của các đơn vị thuộc ngành được thực hiện thông qua môi trường số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 30% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- Nông nghiệp, phát triển nông thôn thuộc nhóm 10 ngành dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh

b) Phát triển kinh tế số nông nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Thúc đẩy chuyển đổi số nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn thông qua ứng dụng công nghệ số trong tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị, quản lý điều hành của các chủ thể sản xuất nông nghiệp; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm gắn với quảng bá và thương mại sản phẩm trên sàn thương mại điện tử đảm bảo tỷ trọng kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp đạt tối thiểu 10%; tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm, thủy sản đạt bình quân 2,8%-3%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản tăng tối thiểu 10%/năm;

- Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn đảm bảo 100% sản phẩm OCOP đáp ứng tiêu chí 3 sao được đưa lên sàn thương mại điện tử.

- Xây dựng các mô hình chuyển đổi số nhằm phát triển nông nghiệp công nghệ cao hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

c) Phát triển nông thôn số, nông dân số thu hẹp khoảng cách số

- Trên 50 % nông dân được hỗ trợ tiếp cận tri thức, công nghệ, hiểu biết về Hệ sinh thái nông nghiệp số;

- Trên 70% các làng nghề truyền thống được tiếp cận với công nghệ số, 30% ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh;

- Trên 70% các doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ được tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an toàn thông tin;

- Trên 30 % các doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ sử dụng, khai thác, vận hành các nền tảng dùng chung và chia sẻ dữ liệu với Hệ sinh thái nông nghiệp số.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển chính chuyên số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa của tỉnh được xác thực điện tử và thanh toán trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng hồ sơ đạt trên 80%; trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính.

- Hoàn thiện hệ sinh thái nông nghiệp số, nông thôn số trên nền tảng dữ liệu lớn và thông tin thống nhất, minh bạch, hiệu quả và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp

- 70% hoạt động kiểm tra của các đơn vị thuộc ngành được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc nhóm sở, ngành dẫn đầu về chuyển đổi số.

b) Phát triển kinh tế nông nghiệp số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số nông nghiệp trung bình đạt tối thiểu 20%; tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm, thủy sản đạt bình quân tối thiểu 2,5%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản tăng tối thiểu 10%/năm;

- Tối thiểu 50% hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm có ứng dụng công nghệ số;

- Ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn thuộc nhóm ngành dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh

c) Phát triển nông thôn số, nông dân số thu hẹp khoảng cách số

- Trên 90% nông dân tiếp cận tri thức, công nghệ, hiểu biết về Hệ sinh thái nông nghiệp số;

- 100% các làng nghề truyền thống được tiếp cận với công nghệ số, có hiểu biết về ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh;

- 100% các doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ được tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an toàn thông tin.

- Trên 70% các doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ sử dụng, khai thác các nền tảng dùng chung và chia sẻ dữ liệu với Hệ sinh thái nông nghiệp số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền tảng chuyển đổi số

a) Chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chuyển đổi số, các mô hình chuyển đổi số đi tiên phong, có hiệu quả cao của tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, của ngành nông nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người nông dân.

- Tổ chức các hội nghị triển khai Kế hoạch; hội nghị tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành nông nghiệp của tỉnh, cho người dân.

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về tổ chức, quản lý thực hiện chương trình chuyển đổi số; các mô hình tốt, cách làm hay trong thực hiện chuyển đổi số.

b) Kiến tạo thể chế, tổ chức bộ máy

- Xây dựng và ban hành các quy định cụ thể cho từng lĩnh vực, từng nội dung cụ thể tạo hành lang pháp lý để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu triển khai trong ngành, bảo đảm tính đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu.

- Rà soát, hoàn thiện và ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo phù hợp, phát huy hiệu lực, hiệu quả.

c) Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số và khai thác dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho cán bộ công chức, viên chức toàn ngành nông nghiệp, cán bộ phụ trách theo từng lĩnh vực và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chuyển đổi số.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực, nhận thức và định hướng chiến lược về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số cho đội ngũ lãnh đạo cấp

phòng và thủ trưởng các đơn vị trong toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Phát triển hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm an toàn thông tin

- Đầu tư mua sắm, sửa chữa, thay thế các trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo vận hành, đáp ứng được tiến độ chuyển đổi số của ngành; mua sắm thiết bị phòng họp trực tuyến đáp ứng yêu cầu mục tiêu chuyển đổi số và công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Đồng thời đảm bảo hoạt động của Trung tâm điều hành thông minh ngành nông nghiệp.

- Các cơ sở sản xuất, đặc biệt là doanh nghiệp, hợp tác xã tích cực đầu tư nâng cấp hạ tầng số: Internet băng thông rộng, điện thoại thông minh, ... một số tiện ích thiết yếu bảo đảm băng thông, tốc độ, chất lượng cho thiết lập mạng kết nối vạn vật, phục vụ các dịch vụ mới của kinh tế số như: E-Gov, e-Health, elearning, thương mại điện tử, smartcity, mobile money...

- Thường xuyên rà soát, cập nhật cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục tại đơn vị; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung

- Xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất nông nghiệp phục vụ công tác quản lý và cung cấp thông tin ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với những thông tin dùng chung cho toàn ngành thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng bản đồ số nông nghiệp sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để kết nối giữa các đơn vị quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân nhằm xây dựng chuỗi giá trị nông sản, thu hút đầu tư vào nông nghiệp.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Hình thành nền tảng dữ liệu số chuyên ngành phục vụ công tác quản lý điều hành, trong đó ưu tiên thực hiện những nội dung có tính trọng tâm, chưa được các bộ, ngành triển khai để thực hiện:

- Lĩnh vực lâm nghiệp: xây dựng cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp, cơ sở dữ liệu quản lý các cơ sở doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản.

- Lĩnh vực thủy sản: xây dựng cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản, quan trắc cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản và cơ sở dữ liệu về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Lĩnh vực chăn nuôi và thú y: xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, chia sẻ thông tin về chăn nuôi, thú y để định hướng và xây dựng các cơ

chế chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, kết nối tiêu thụ sản phẩm; người chăn nuôi có kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu của thị trường.

- Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: xây dựng hệ thống dữ liệu về vùng sản xuất trồng trọt tập trung trên địa bàn tỉnh; dữ liệu phục vụ cấp và quản lý, mã số vùng trồng.

- Lĩnh vực phát triển nông thôn và quản lý chất lượng nông lâm thủy sản: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý nhà nước đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, ngành nghề nông thôn, chuỗi liên kết và các cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; dự báo thông tin về thị trường tiêu thụ đối với các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh Đồng Nai.

- Lĩnh vực thủy lợi và phòng thiên tai: rà soát, xây dựng hệ thống dữ liệu về các công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; dữ liệu phục vụ cấp và quản lý hiện trạng các công trình thủy lợi, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi...; dữ liệu về thiệt hại thiên tai; thu, nộp quỹ phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát vận hành tự động các công trình thủy lợi (đưa vào danh mục dự án).

- Lĩnh vực nước sạch nông thôn: rà soát, xây dựng hệ thống dữ liệu về các công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; dữ liệu phục quản lý vận hành các công trình nước sạch nông thôn...; dữ liệu về tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển kinh tế số nông nghiệp

- Ứng dụng công nghệ số trong tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị, quản lý điều hành của các chủ thể sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp để làm vai trò cầu nối, dẫn dắt nông dân trong sản xuất, quảng bá, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm áp dụng công nghệ Blockchain, IoT hiện đại từ khâu nguyên liệu đầu vào đến quá trình sản xuất, chế biến, nhằm cung cấp đầy đủ và minh bạch thông tin trên nền tảng Website và Mobile app chuyên biệt cho các nông sản trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên thực hiện các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP; được phân quyền cho các đối tượng, gồm: người sản xuất, cơ quan quản lý nhà nước, ...; có khả năng kết nối với từng hộ nông dân trong quá trình sản xuất thông qua các app đơn giản, đồng thời có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và liên kết tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp: ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; kiểm soát chất lượng, quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản, phát triển ngành nghề, dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng trực tuyến.

- Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, quảng bá, tiêu thụ nông sản nhất là các sản phẩm OCOP.

4. Phát triển nông dân số, nông thôn số

- Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản

- Thực hiện xây dựng chuyển đổi số trong nông thôn mới, nông thôn mới thông minh trong thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, xây dựng thí điểm 03 xã theo hướng nông thôn mới thông minh.

- Triển khai chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, nông dân.

5. Xây dựng một số mô hình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp

Xây dựng mô hình chuyển đổi số nhằm phát triển nông nghiệp công nghệ cao hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế:

- Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong quan trắc cháy rừng.

- Mô hình ứng dụng chuyển đổi số trong nuôi tôm nước lợ.

- Mô hình gắn chip trên Chó, Mèo trong thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh

- Mô hình thông tin tuyên truyền và đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tư vấn dịch vụ trên nền tảng số.

- Mô hình ứng dụng IoT trong sản xuất trồng trọt hệ thống giám sát điều kiện môi trường trồng trọt từ xa tích hợp tưới tiêu và bón phân tự động và điều khiển thông qua smart phone.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tham gia triển khai Kế hoạch. Trong đó dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước triển khai thực hiện các dự án, mô hình ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành nông nghiệp là **147.836** triệu đồng.

(Đính kèm phụ lục II: Kinh phí và lộ trình thực hiện một số nhiệm vụ, mô hình, dự án)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Hằng năm, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch chuyển đổi số của ngành.

- Tổng hợp tình hình triển khai Kế hoạch hàng năm của các đơn vị thuộc Sở và các địa phương. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch, đề xuất điều chỉnh các nội dung khi cần thiết.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp, hỗ trợ kết nối, đồng bộ dữ liệu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn vào hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh, trung ương khi cần.

- Phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền tại địa phương về chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Hàng năm, tổng hợp các nhiệm vụ, dự toán chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn vào Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sàn thương mại điện tử để đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử theo Kế hoạch số 10318/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị, đoàn học tập kinh nghiệm để thực hiện tốt việc chuyển đổi số, góp phần xây dựng xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án của Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính

Tùy vào tình hình cân đối ngân sách hàng năm, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quảng bá, kết nối, xúc tiến thương mại các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP Đồng Nai.

- Tổ chức tập huấn/hội nghị hướng dẫn, phổ biến các quy định của pháp luật liên quan đến thương mại điện tử, phổ biến kiến thức nâng cao kỹ năng bán hàng, marketing trên môi trường trực tuyến cho các chủ thể có sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ kết nối các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của Đồng Nai quảng bá, kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử tỉnh Đồng Nai.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có các sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực du lịch thực hiện chuyển đổi số.

- Hỗ trợ các cơ sở có sản phẩm du lịch ứng dụng các công nghệ thông minh vào vận hành, quản lý và quảng bá sản phẩm du lịch của mình.

8. Các địa phương cấp huyện, thành phố

- Căn cứ tình hình cụ thể của địa phương đề đưa các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn vào Kế hoạch thực hiện hàng năm.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) gửi báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tình hình, kết quả triển khai Kế hoạch này.

9. Các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, vật tư nông nghiệp

- Tích cực tiếp cận các nội dung về chuyển đổi số và thay đổi nhận thức để tham gia chuyển đổi số, phát triển kinh tế số theo Kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể về chuyển đổi số đối với cơ sở mình để thực hiện có hiệu quả.

- Chủ động đầu tư nâng cấp đồng bộ hạ tầng số, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyển đổi số của cơ sở.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông

thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KGVX, KTN);
- Lưu: VT, KGVX, KTN.

(Khoa/634.KH chuyendoisoNN)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục I

PHIẾM VỤ CHỦ YẾU TRONG KẾ HOẠCH CHUYÊN ĐỘI SỐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Kế hoạch 240 /KH-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện			
				2022	2023	2024	2025
1	Phát triển nền tảng chuyển đổi số						
1.1	Chuyển đổi nhận thức						
-	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chuyển đổi số, các mô hình chuyển đổi số đi tiên phong, có hiệu quả cao của tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
-	Tổ chức các hội nghị triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; hội nghị tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành nông nghiệp của tỉnh, cho người dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
-	Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình chuyển đổi số; các mô hình tốt, cách làm hay trong thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
1.2	Kiến tạo thể chế, tổ chức bộ máy						
-	Xây dựng và ban hành các quy định cụ thể cho từng lĩnh vực, từng nội dung cụ thể tạo hành lang pháp lý để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
-	Xây dựng, ban hành quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ và xử lý hồ sơ, văn bản điện tử trong ngành đúng pháp luật hiện hành về văn thư lưu trữ và chữ ký số.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
-	Xây dựng, ban hành các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu triển khai trong Ngành, bảo đảm tính đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X

Địa chỉ: Số 02, Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa.
Số điện thoại: (0251). 3722501; Fax: (0251). 3823854.

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện			
				2022	2023	2024	2025
1.3	Phát triển nhân lực chuyển đổi số						
	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cấp nhất kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số và khai thác dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho cán bộ công chức, viên chức toàn ngành nông nghiệp, cán bộ phụ trách theo từng lĩnh vực và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
	Bồi dưỡng nâng cao năng lực, nhận thức và định hướng chiến lược về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số cho đội ngũ lãnh đạo cấp phòng và thủ trưởng các đơn vị trong toàn ngành nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
1.4	Phát triển hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm an toàn thông tin						
	Đầu tư sửa chữa, thay thế các trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo vận hành, đáp ứng được tiến độ chuyển đổi số của ngành; mua sắm thiết bị phòng hợp trực tuyến đáp ứng yêu cầu mục tiêu chuyển đổi số và công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở Tài chính	X	X	X	X
	Các cơ sở sản xuất, đặc biệt là doanh nghiệp, hợp tác xã tích cực đầu tư nâng cấp hạ tầng số: Internet băng thông rộng, điện thoại thông minh,... một số tiện ích thiết yếu bảo đảm băng thông, tốc độ, chất lượng cho thiết lập mạng kết nối vạn vật, phục vụ các dịch vụ mới của kinh tế số như: E-Gov, e-Health, elearning, thương mại điện tử, smartcity, mobile money,...	các cơ sở sản xuất		X	X	X	X
	Thường xuyên rà soát, cập nhật cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	X	X	X	X
	Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục tại đơn vị; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	X	X	X	X
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu						
2.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung						
	Xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất nông nghiệp phục vụ công tác quản lý và cung cấp thông tin ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với những thông tin dùng chung cho toàn ngành thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
	Xây dựng bản đồ số nông nghiệp sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp	Sở Nông nghiệp và	Sở Thông tin và Truyền	X	X		

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện			
				2022	2023	2024	2025
	dữ liệu mở để kết nối giữa các đơn vị quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân nhằm xây dựng chuỗi giá trị nông sản, thu hút đầu tư vào nông nghiệp	PTNT	thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan				
2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành						
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực phát triển nông thôn và quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực thủy lợi và phòng thiên tai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X		
3	Phát triển kinh tế số nông nghiệp						
-	Ứng dụng công nghệ số trong tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị, quản lý điều hành của chủ thể sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp để làm vai trò cầu nối, dẫn dắt nông dân trong sản xuất, quảng bá, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X
-	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm gắn với quảng bá và tiêu thụ trên sàn thương mại điện tử	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ngành, địa	X	X	X	X

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				
				2022	2023	2024	2025	
			phương liên quan					
-	Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và liên kết tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp	Các cơ sở sản xuất	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, quảng bá, tiêu thụ nông sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	
4	Phát triển nông dân số, nông thôn số							
-	Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Triển khai chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, nông dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Thực hiện xây dựng chuyển đổi số trong nông thôn mới, nông thôn mới thông minh trong thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, xây dựng thí điểm 03 xã theo hướng nông thôn mới thông minh	Văn phòng Điều phối Chương trình Nông thôn mới	UBND xác huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ngành, liên quan	X	X	X		
5	Xây dựng một số mô hình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp							
-	Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trắc cháy rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Mô hình ứng dụng chuyển đổi số trong nuôi tôm nước lợ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Mô hình gắn chip trên Chó, Mèo trong thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Mô hình thông tin tuyên truyền và đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tư vấn dịch vụ trên nền tảng số	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa	X	X	X	X	

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện			
				2022	2023	2024	2025
-	Mô hình ứng dụng IoT trong sản xuất trồng trọt hệ thống giám sát điều kiện môi trường trồng trọt từ xa tích hợp tưới tiêu và bón phân tự động và điều khiển thông qua smart phone	Sở Nông nghiệp và PTNT	phương liên quan Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ngành, địa phương liên quan		X		



Phụ lục II

KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG, MÔ HÌNH, DỰ ÁN

Kèm theo Kế hoạch số: 240 KH-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Tổng kinh phí	Thời gian thực hiện				
			2022	2023	2024	2025	
I	Sở Nông nghiệp và PTNT	44.500	7.250	35.750	750	750	
1	Dự án hệ thống thông tin quản lý ngành nông nghiệp	4.500	4.500				
2	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm, thủy sản, an toàn vệ sinh thực phẩm.	5.000		5.000			
3	Dự án Nâng cấp và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	2.000	2.000				
4	Dự án Nâng cấp và phát triển hạ tầng của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	10.000		10.000			
5	Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm cho các thành viên tham gia	1.200	300	300	300	300	300
6	Tổ chức hội nghị tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành nông nghiệp của tỉnh	200	50	50	50	50	50
7	Bồi dưỡng cập nhật kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số và khai thác dịch vụ số an toàn trên không gian mạng	1.600	400	400	400	400	400
8	Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	20.000		20.000			
II	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	6.800	3.500	2.100	1.100	100	
1	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực phát triển nông thôn và quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	3.000	3.000				
2	Dự án ứng dụng công nghệ Blockchain truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản	3.000		2.000	1.000		
3	Xây dựng Gian hàng ảo nhằm quảng bá, kết nối tiêu thụ cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp "Đặc sắc Đồng Nai"	800	500	100	100	100	100
III	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	25.880	264	24.616	1.000	-	
1	Dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	20.845	140	20.705			
2	Đề án Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	1.615	24	1.591			

Địa chỉ: Số 02. Nguyễn Văn Trĩ, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa.

Số điện thoại: (0251). 3722501; Fax: (0251). 3823854.

STT	Tên nhiệm vụ	Tổng kinh phí	Thời gian thực hiện			
			2022	2023	2024	2025
3	Dự án Xây dựng Phần mềm ứng dụng theo dõi công tác quản lý thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai	800	50	750		
4	Xây dựng phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động phục vụ thông tin, phổ biến, tuyên truyền các biện pháp phòng chống thiên tai	620	50	570		
5	Dự án ứng dụng công nghệ Blockchain trong truy xuất nguồn gốc rau, quả an toàn.	2.000		1.000	1.000	
IV	Chi cục Thủy sản	6.850	3.350	3.500	-	-
1	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	1.500	1.500			
2	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	1.500		1.500		
3	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản	1.850	1.850			
4	Mô hình ứng dụng chuyển đổi số trong nuôi tôm nước lợ	2.000		2.000		
V	Chi cục Kiểm Lâm	55.562	800	18.672	32.090	4.000
1	Dự án truy xuất nguồn gốc giống cây lâm nghiệp	1.800		900	900	
2	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các cơ sở doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ	1.772	800	972		
3	Dự án ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng tại Đồng Nai	14.260		7.100	7.160	
4	Dự án Đầu tư lắp đặt hệ thống tháp quan trắc cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	14.730	-	6.700	8.030	
5	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	23.000	-	3.000	16.000	4.000
VI	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	5.816	2.500	1.306	1.372	638
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với động vật, sản phẩm động vật	3.136	2.020	306	372	438
2	Cơ sở dữ liệu về môi trường chăn nuôi	180	180			
3	Mô hình gắn chip trên Chó, Mèo trong thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh	2.500	300	1.000	1.000	200
VII	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh	1.928	928	1.000	-	-
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi quản lý khách hàng sử dụng nước sạch nông thôn	928	928			
2	Mô hình ứng dụng IoT trong sản xuất trồng trọt hệ thống giám sát điều kiện môi trường trồng trọt từ xa tích hợp tưới tiêu và bón phân tự động và điều khiển thông qua smart phone	1.000		1.000		

STT	Tên nhiệm vụ	Tổng kinh phí	Thời gian thực hiện			
			2022	2023	2024	2025
VIII	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	500	-	500	-	-
1	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về thu tiền dịch vụ môi trường rừng	500		500		
	Tổng cộng	147.836	8.592	87.444	36.312	5.488